

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

Bản án số: **564/2021/HSST**

Ngày: 28/12/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Lan Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Công Danh**

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Thành Đạt** – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B tham gia phiên tòa: **Ông Mai Xuân Hoàng** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 476/2021/HSST ngày 30/8/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 498/2021/QĐXXST-HS ngày 18/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 1254/2021/QĐXXST-HS ngày 15/11/2021, Thông báo dời phiên tòa ngày số 1321/TB-TA ngày 08/12/2021 đối với bị cáo:

Lê Bảo C, Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Hải.

Sinh năm 1975, tại Đ.

Nơi cư trú: Không đăng ký hộ khẩu thường trú và sống lang thang.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Xe ôm. Chức vụ: Không

Trình độ học vấn: Lớp 3/12.

Con ông: Lê Tấn H, sinh năm 1935, không rõ nơi cư trú; Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1935, không rõ nơi cư trú.

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình và không có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 22/01/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B – Vắng mặt.

Bị hại: Anh **Lê Anh S**, sinh năm: 1981.

Thường trú: Thôn Hương Ninh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Bảo C là đối tượng sống lang thang và làm nghề chạy xe ôm. Khoảng 17 giờ ngày 17/01/2021, anh Lê Anh S, sinh năm: 1981, đi bộ đến ngã tư Athuê Lê Bảo C chờ đến Công viên chiến thắng L thuộc phường B, thành phố B, C đồng ý. C điều khiển xe mô tô biển số 86F5-6596 chở anh S đến Công viên chiến thắng L và nhìn thấy anh S lấy điện thoại hiệu Samsung A20S màu xanh nói chuyện với bạn nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh S. Sau đó, anh S nhờ C tiếp tục chờ qua bên kia đường đối diện với công viên chiến thắng L thuộc khu phố 1, phường B, thành phố B. Khi đến nơi, anh S xuống xe và đi bộ ra phía sau xe, còn C vẫn ngồi trên xe đang nổ máy. C giả vờ hỏi mượn điện thoại của anh S để gọi cho bạn, anh S tưởng thật nên đồng ý bấm số và đưa điện thoại Samsung A20S màu xanh của mình cho C nghe máy. Lúc này, thấy anh S quay mặt nhìn đi chỗ khác nên C chiếm đoạt điện thoại của anh S điều khiển xe tăng ga bỏ chạy về hướng cổng khu công nghiệp Amata.

Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại của anh S, C đem chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại di động HPT tại số 85 quốc lộ 51, khu phố B, phường L, thành phố B (do anh Phạm Quang L, sinh năm 1993 làm chủ) để bán. Khi bán điện thoại, C thấy ở phía sau ốp lưng điện thoại có 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 98D1-549.87 mang tên Phan Thị N (vợ anh S), 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Anh S và 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) nên C đã lấy số tiền và giấy tờ trên. Anh L không biết điện thoại do C phạm tội mà có nên đã đồng ý mua với giá 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Tất cả số tiền trên, C đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bị C chiếm đoạt điện thoại, anh S về kể lại sự việc cho anh Lê Hồng P (cháu S) nghe và nhờ anh Phong đi tìm C lấy lại tài sản cho mình. Khoảng 19 giờ 54 phút ngày 21/01/2021, anh Phong thấy C đang đứng đối diện Bệnh viện Nhi Đ nên đã báo Công an phường Bình Đa đến đưa C về làm việc.

Quá trình điều tra, Lê Bảo C khai nhận hành vi phạm tội như trên.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 45 ngày 25/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thành phố B, kết luận:

01 điện thoại di động Samsung A20S trị giá là: 2.233.000đ (Hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng).

- Vật chứng và tài sản thu giữ gồm:

+ 01 điện thoại di động Samsung A20S, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 98D1-549.87 mang tên Phan Thị Nga (vợ S), 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Anh S là các tài sản của anh Lê Anh S bị C chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh S.

+ 01 xe mô tô biển số 86F5-6596, số máy VHLFM152FMHY004332.

+ 01 điện thoại di động hiệu Mobell M729, 01 điện thoại di động hiệu Nokia model M1172 và 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), do không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Lê Bảo C.

+ 01 chứng minh nhân dân mang tên Đinh Ngọc Huỳnh thu giữ trong người của Lê Bảo C.

- Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Lê Anh S đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung A20S, 01 chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 98D1-549.87 mang tên Phan Thị Nga (vợ S), 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Anh S. Riêng số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), anh S không yêu cầu bị cáo Lê Bảo C bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 488/CT-VKSBH ngày 26/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố bị cáo Lê Bảo C về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo: Từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị cáo, bị hại tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Bảo C có đơn xin xét xử vắng mặt do tình hình dịch bệnh Covid 19; còn các bị hại Lê Anh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Xét việc bị cáo xin vắng mặt là sự tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, còn việc vắng mặt của bị hại còn lại không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 và khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo và bị hại.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Theo các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại các biên bản lấy lời khai, bản tự khai bị cáo thừa nhận để có tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng 17 giờ 15 phút ngày 17/01/2021, tại khu phố 1, phường Bình Đa, thành phố B, tỉnh Đ, bị cáo đã có hành vi cướp giật 01 điện thoại di động Samsung A20S trị giá là 2.233.000đ (Hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng) và 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), 01 chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 98D1-549.87 mang tên Phan Thị Nga (vợ S), 01 chứng minh nhân dân của anh

Lê Anh S. Tổng trị giá số tài sản bị chiếm đoạt là 2.933.000đ (Hai triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại; trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động Samsung A20S, 01 chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 98D1-549.87 mang tên Phan Thị Nga (vợ S), 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Anh S là các tài sản của anh Lê Anh S bị C chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh S là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Mobell M729, 01 điện thoại di động hiệu Nokia model M1172 và 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), do không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Lê Bảo C là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, anh Lê Anh S đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung A20S, 01 chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 98D1-549.87 mang tên Phan Thị N (vợ S), 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Anh S. Riêng số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), anh S không yêu cầu bị cáo Lê Bảo C bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định.

[7] Về vấn đề khác:

Đối với xe mô tô biển số 86F5-6596, số máy VHLMF152FMHY004332, xác minh tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ, xác định xe mô tô biển số 86F5-6596 có số máy là P50FMG*Y0802306, số khung là 00801336 do anh Phùng Thế đăng ký sở hữu. Số máy VHLMF152FMHY004332 không có thông tin trong hệ thống. C khai mua xe mô tô trên của người đàn ông (Không rõ lai lịch) với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng). Hiện nay, anh Phùng Thế đã chết nên không làm việc được. Do số máy, số khung xe mô tô thu giữ của C không trùng khớp với xe mô tô trên trong dữ liệu, hiện chưa xác định được nguồn gốc xe mô tô thu giữ của C nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tách ra tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Đinh Ngọc H thu giữ của Lê Bảo C, C khai nhận được ở ngoài đường. Hiện Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra theo địa chỉ trên chứng minh nhân dân nhưng chưa có kết quả nên tách ra tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Anh Phạm Quang L khi mua điện thoại trên không biết điện thoại do C phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290, khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Bảo C phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Bảo C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2021.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự CATP.B;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo – NTG;
- Lưu.

Bùi Lan Hương

